

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 – 2025

Áp dụng từ ngày 14/4/2025

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ.

		15DTA1 – Phòng B1	15DTA2 – Phòng B2	16DTA1 – Phòng B1	16DTA2 – Phòng B2
2	S	Ngữ dụng học T. Châu – 4T (Phòng B1)	Tiếng Anh giảng dạy C. Út – 4T (Phòng B2)		
	C		Kiểm tra và đánh giá C. Huyền – 4T (Phòng B2)	Lý thuyết dịch T. Châu – 4T (Phòng B1)	Ngữ âm - Âm vị C. Sang – 4T (GD8)
3	S	Đa truyền thông trong giảng dạy T. Út – 4T (Phòng B1)	Ngữ dụng học T. Châu – 4T (Phòng B2)		
	C	Kiểm tra và đánh giá C. Huyền – 4T (Phòng B1)		Dẫn luận văn học Anh C. Đào – 4T (Phòng A3 – Khoa Sư phạm)	Lý thuyết dịch T. Châu – 4T (Phòng B2)
4	S	PPGD tiếng Anh C. Loan – 4T (Phòng B1)	Phiên dịch C. Sang – 4T (Phòng B2)		Ngữ âm - Âm vị C. Sang – 4T (GD8)
	C	Phiên dịch C. Sang – 4T (Phòng B1)	Đa truyền thông trong giảng dạy T. Út – 4T (Phòng B2)	Ngữ âm - Âm vị T. Châu – 4T (B4)	
5	S	Tiếng Anh giảng dạy C. Út – 4T (Phòng B1)	PPGD tiếng Anh C. Sang – 4T (Phòng B2)		
	C		Đa truyền thông trong giảng dạy T. Út – 4T (Phòng B2)	Lịch sử Anh T. Nghĩa – 4T (Phòng B1)	Dẫn luận văn học Anh C. Đào – 4T Phòng B4

6	S	Đa truyền thông trong giảng dạy T. Út – 4T (Phòng B1)			Từ pháp học C. An – 3T (Phòng B2)
	C			Từ pháp học C. An – 3T (Phòng B1)	Lịch sử Anh T. Nghĩa – 4T (Phòng B2)
7	S				
	C				

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 – 2025

Áp dụng từ ngày 14/4/2025

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

		17DNNA1- Phòng B3	17DNNA2 – Phòng B4	18DNNA1 – Phòng B3	18DNNA2 – Phòng B4
2	S	Viết C1.1 C. Huyền – 3T (Phòng B3)	Cơ sở văn hóa Việt Nam T. Hiếu – 4T (Phòng B4)		
	C	Đọc hiểu C1.1 C. An – 3T (Phòng B3)			
3	S	Dẫn luận Việt ngữ học C. Đ Liên – 4T (Phòng B3)	Tâm lý học đại cương T. Công – 4T (Phòng B4)		Kinh tế chính trị Mác - Lênin C. Thoảng - 4T (Phòng GĐ7)
	C	Cơ sở văn hóa Việt Nam T. Hiếu – 4T (Phòng B3)	Tiếng Pháp căn bản 3 T. Tòng – 4T Phòng A8 – Khoa Sư phạm		
4	S		Nghe - Nói C1.1 C. Ý – 4T (Phòng B4)		
	C	Nghe-Nói C1.1 C. Út – 4T (Phòng B3)			
5	S	Tâm lý học đại cương T. Công – 4T (Phòng B3)	Dẫn luận Việt ngữ học C. Đ Liên – 4T (Phòng A8 – Khoa Sư phạm)		
	C				
6	S	Tiếng Pháp căn bản 3 T. Thoại – 4T	Đọc hiểu C1.1		

		(Phòng A8 – Khoa Sư phạm)	C. Loan – 3T (Phòng B4)		
	C	Tư tưởng Hồ Chí Minh C. Tuyệt – 4T (Ghép 2 lớp 17DNNA1,2) (Giảng đường 7)		Kinh tế chính trị Mác - Lênin C. Thoảng – 4T (Phòng B3)	
7	S	Tư tưởng Hồ Chí Minh C. Tuyệt – 4T (Ghép 2 lớp 17DNNA1,2) (Giảng đường 7)			
	C				

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 – 2025

Áp dụng từ ngày 14/4/2025

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ - PHÂN TÁCH NHÓM CHUYÊN NGÀNH KHOÁ 18DNNA

		18DNNA – NHÓM 1	18DNNA – NHÓM 2	18DNNA – NHÓM 3
2	S	Nghe-Nói B2.1 C. Loan – 4T (Phòng GD8)	Tiếng Pháp căn bản 1 T. Tòng – 4T (Phòng B7)	Đọc hiểu B2.1 T. Nghĩa – 4T (GD7)
	C	Viết B2.1 T. Bảo – 4T (Phòng B8)	Nghe-Nói B2.1 C. Tú – 4T (Phòng B7)	Tiếng Pháp căn bản 1 T. Tòng – 4T (Phòng B4)
3	S	Nghe-Nói B2.1 C. Loan – 4T (Phòng B8)		Lớp 18DNNA2 học: Kinh tế chính trị Mác - Lênin C. Thoảng - 4T (Phòng GD7)
	C	Tiếng Pháp căn bản 1 T. Thoại – 4T (Phòng B7)	Viết B2.1 T. Bảo – 4T (Phòng B8)	Viết B2.1 T. Út – 4T (Phòng B4)
4	S		Ngữ pháp nâng cao C. Oanh – 4T (Phòng B8)	Nghe-Nói B2.1 T. Út – 4T (Phòng B7)
	C	Tiếng Pháp căn bản 1 T. Thoại – 4T (Phòng B7)	Tiếng Pháp căn bản 1 T. Tòng – 4T (Phòng GD7)	
5	S	Ngữ pháp nâng cao T. Trung - 4T (Phòng B8)	Nghe-Nói B2.1 C. Tú – 4T (Phòng B7)	Tiếng Pháp căn bản 1 T. Tòng – 4T (Phòng B4)
	C	Viết B2.1 T. Bảo – 4T	Đọc hiểu B2.1 C. Thảo – 4T	

		(Phòng B7)	(Phòng B3)	
6	S	Độc hiểu B2.1 C. Thảo – 4T (Phòng B3)	Ngữ âm thực hành nâng cao C. Ý – 4T (Phòng B7)	Ngữ pháp nâng cao C. Oanh – 4T (Phòng B8)
	C		Lớp 18DNNA1 học: Kinh tế chính trị Mác - Lênin C. Thoảng – 4T (Phòng B3)	
7	S			Viết B2.1 T. Út – 4T (Phòng B4)
	C			

Ghi chú: - Khoá 18DNNA chia biên chế 2 lớp: 18DNNA1 và 18DNNA2

- - Với các Học phần không thuộc chuyên ngành sẽ học theo biên chế 2 lớp;
- - Với các Học phần chuyên ngành sẽ học theo 3 nhóm chuyên môn:
18DNNA – Nhóm 1, 18DNNA – Nhóm 2, 18DNNA – Nhóm 3.

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 – 2025

Áp dụng từ ngày 14/4/2025

II. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN VIỆT NAM HỌC

		15DNV – Phòng B6	16DNV – Phòng B6	17DTVVHVN – Phòng B7	18DTVVHVN1 Phòng B7	18DTVVHVN2 Phòng B8
2	S		Tiếng Anh chuyên ngành C. Thu Trang – 3T (Phòng B6)	Bạc Liêu đất và người C. Liên – 3T (Phòng B8)	Mĩ học đại cương C. Vân – 4T (GD6)	
	C	Văn hóa ĐBSCL C. Liên – 4T (Phòng GD7)	Văn hóa các dân tộc Việt Nam C. Phương – 4T (Phòng B6)			Mĩ học đại cương C. Vân – 4T (GD6)
3	S		VHVN hiện đại 1 (1900-1945; 1945-1975) C. Vân – 4T (Phòng B7)	Lịch sử văn minh thế giới T. Hiếu – 4t (Phòng A1 – Khoa Sư phạm)		Văn học dân gian VN C. Liên – 4T (GD6)
	C	Văn hóa du lịch VN T. Đua – 4T (Phòng B6)			Văn học dân gian VN C. Liên – 4T (GD7)	Ngữ âm tiếng Việt T. Ngọc – 4T (GD6)
4	S		Nghiệp vụ báo chí truyền thông C. Cẩm Thuý – 4T (Phòng B6)	Ngữ pháp tiếng Việt C. Đ Liên - 4T (GD7)	Tiếng Anh căn bản 1 T. Bảo – 4T (Phòng B3)	Tiếng Anh căn bản 1 T. Châu – 4T (GD6)
	C	Văn hóa ĐBSCL C. Liên – 4T (Phòng B6)	Pháp luật đại cương Khoa KT – 4T (B8)		Ngữ âm tiếng Việt T. Ngọc – 4T (GD6)	
5	S	Phong tục và lễ hội ở Việt Nam T. Đua – 4t (Phòng GD8)	Tiếng Anh chuyên ngành C. Thu Trang – 4T (Phòng B6)		Địa danh học và địa danh Việt Nam C. Trân – 4T (GD7)	Kinh tế chính trị Mác - Lênin C. Kiều Trang – 4T (GD6)
	C	Phê bình văn học			Tiếng Anh căn bản 1	Lí luận văn học

		C. Vân – 4T (Phòng B6)			T. Bảo – 4T Phòng A4 – Khoa Sư phạm	T. Ngọc – 4T (GD6)
6	S	Phê bình văn học C. Vân – 4T (Phòng B6)	Văn hóa các dân tộc Việt Nam C. Phương – 4T (Phòng GD8)	Tiếng Anh căn bản 3 C. Út – 4T (GD6)	Kinh tế chính trị Mác - Lênin C Kiều Trang – 4T (GD7)	
	C	Phong tục và lễ hội ở Việt Nam T. Đua – 4t (Phòng B8)	VHVN hiện đại 1 (1900-1945; 1945-1975) C. Vân – 4T (Phòng B6)		Lí luận văn học T. Ngọc – 4T (GD6)	Địa danh học và địa danh Việt Nam C. Trân – 4T (B7)
7	S	Ngôn ngữ học xã hội C. Nương – 4T (Phòng B6)				
	C					

Ghi chú: - Trợ giảng Tiếng Anh Jessica Trần học tiếng Việt mỗi tuần 2 tiết.

- Thời gian linh hoạt theo lịch Trợ giảng và Giảng viên – TS. Trương Thu Trang. Chiều thứ 5 hàng tuần.

- Học phần **Tư tưởng Hồ Chí Minh** do mời giảng ngoài trường nên học nhiều cuối tuần.

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 – 2025

Áp dụng từ ngày 14/4/2025

I. CÁC LỚP THUỘC KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

		17DQT1	17DQT2	18DKT1	18DKT2	18DQTKD + 18DDLH	18DKT1 + 18DDLH	18DTCNH	18DDLH
2	S								
	C			Tiếng Anh căn bản 2 T. Trung – 4T					Tổng quan du lịch T. Đua – 4T
3	S	Anh văn chuyên ngành C. Huyền – 4T							
	C								
4	S		Anh văn chuyên ngành C. Huyền – 4T			Tiếng Anh căn bản 2 C. An – 4T	Kinh tế chính trị Mác - Lênin C. Thoảng – 4T		
	C				Kinh tế chính trị Mác - Lênin C. Thoảng – 4T				
5	S				Tiếng Anh căn bản 2 C. Tú – 4T			Tiếng Anh căn bản 2 C. Thảo – 4T	
	C								
6	S								
	C								
7	S								
	C								

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 – 2025

Áp dụng từ ngày 14/4/2025

II. CÁC LỚP THUỘC KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

		17DCNPM	17DCNTT1	17DCNTT2	18DCNTT1	18DCNTT2	18DCNTT3	18DCNPM
2	S	Logic học đại ương T. Phương – 4T				Tiếng Anh căn bản 2 C. Thảo – 4T	Tiếng Anh căn bản 2 T. Trung – 4T	Kinh tế chính trị Mác - Lênin C. Thoảng – 4T
	C				Kinh tế chính trị Mác - Lênin C. Thoảng – 4T			
3	S			Logic học đại ương T. Phương – 4T				
	C					Kinh tế chính trị Mác - Lênin C. Thoảng – 4T		
4	S		Logic học đại ương T. Phương – 4T					
	C							
5	S				Tiếng Anh căn bản 2 C. Ý – 4T			
	C							
6	S							
	C							
7	S							
	C							

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 – 2025

Áp dụng từ ngày 14/4/2025

II. CÁC LỚP THUỘC KHOA SƯ PHẠM

		17DGDTH1	17DGDTH2	17DGDTH3	18DGDTH1	18DGDTH2	18DGDTH3	18CGDMN
2	S						Văn học T. Ngọc – 4T	
	C	Anh văn căn bản 3 C. Tú – 4T		Anh văn căn bản 3 C. Ý – 4T			Tiếng Anh căn bản 1 C. Sang – 4T	
3	S							Tiếng Anh căn bản 1 T. Trung
	C					Tiếng Anh căn bản 1 C. Oanh – 4T		
4	S					Văn học C. Vân – 4T		
	C				Văn học C. Vân – 4T			
5	S						Kinh tế chính trị Mác - Lênin C. Thoảng – 4T	
	C					Kinh tế chính trị Mác - Lênin C. Thoảng – 4T		
6	S				Kinh tế chính trị Mác - Lênin			

					C. Thoảng – 4T			
	C		Anh văn căn bản 3 T. Út – 4T (P A2 - KSP)					
7	S				Tiếng Anh căn bản 1 C. Loan – 4T			
	C							

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 – 2025

Áp dụng từ ngày 14/4/2025

III. CÁC LỚP THUỘC KHOA NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

		18DNT	18DNTCNC	18DBVTV +18 DCNTY +18DKHMT	18DBVTV-12 18DCNTY-17 18DKHMT-7
2	S				Kinh tế chính trị Mác - Lênin C. Kiều Trang – 3T
	C	Tiếng Anh căn bản 2 C. Oanh – 4T	Tiếng Anh căn bản 2 T. Út – 4T		
3	S		Kinh tế chính trị Mác - Lênin C. Kiều Trang – 3T		
	C				
4	S	Kinh tế chính trị Mác - Lênin C. Kiều Trang – 3T			
	C				
5	S			Tiếng Anh căn bản 2 T. Nghĩa – 4T	
	C				
6	S				
	C				
7	S				
	C				

THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
I	Lãnh đạo Khoa			
1	Trương Thu Trang	0939.818269	tttrang@blu.edu.vn	Phó Trưởng khoa Phụ trách
II	Văn phòng Khoa			
2	Đỗ Chí Tâm	0845.505005	dctam@blu.edu.vn	
III	Bộ môn Lí luận chính trị			
3	Diệp Kiều Trang	0913.458.993	dktrang@blu.edu.vn	Phụ trách
4	Sơn Thanh Thoảng	0945.971.185	stthoang@blu.edu.vn	
5	Trương Thị Kiều	0944.878527	ttkieu@blu.edu.vn	
6	Trần Tam Phương	0913806429	ttphuong@blu.edu.vn	
IV	Bộ môn Ngoại ngữ			
7	Nguyễn Ái Hoàng Châu	0918.480.131	nahchau@blu.edu.vn	Trưởng Bộ môn
8	Phạm Thanh Loan	0982.299.295	ptloan@blu.edu.vn	Phó Trưởng Bộ môn
9	Nguyễn Trúc An	0944.212.403	ntan@blu.edu.vn	
10	Nguyễn Hiếu Trung	0919.753.783	nhtrung@blu.edu.vn	
11	Tạ Thị Kim Oanh	0916.337.654	ttkoanh@blu.edu.vn	
12	Nguyễn Thị Sang	0919.747.633	ntsang@blu.edu.vn	
13	Võ Thị Ngọc Huyền	0945.762.545	vtnhuyen@blu.edu.vn	
14	Nguyễn Văn Út	0946.463.232	nvut@blu.edu.vn	
15	Ngô Ngọc Thảo	0943.288.579	nnthao@blu.edu.vn	
16	Liên Trọng Nghĩa	0835.575.799	ltnghia@blu.edu.vn	
17	Huỳnh Thị Út	0949.436.959	htut@blu.edu.vn	
18	Nguyễn Thanh Tòng	0917.548.248	nttong@blu.edu.vn	

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
19	Lê Minh Thoại	0939.239.765	lmthoai@blu.edu.vn	
20	Sâm Ngọc Khả Tú	0793.659.644	snktu@blu.edu.vn	
21	Trương Thị Như Ý	0972.996.939	ttny@blu.edu.vn	
22	Dương Thế Bảo	0776.514.675	dtbao@blu.edu.vn	
V	Bộ môn Việt Nam học			
23	Lê Kiều Nương	0974.277.402	lknuong@blu.edu.vn	Phó Trưởng Bộ môn Phụ trách
24	Phan Thảo Ly	0989.511.117	ptly@blu.edu.vn	
25	Dương Minh Ngọc	0919.434.845	dmngoc@blu.edu.vn	
26	Lưu Thị Liên	0914.967.349	ltlien@blu.edu.vn	
27	Lữ Thị Thuỳ Vân	0939.096.318	littvan@blu.edu.vn	
28	Võ Thị Diễm Phương	0973.647.503	vtdphuong@blu.edu.vn	
29	Phạm Thị Kiều Trân	0845.763.688	ptktran@blu.edu.vn	
30	Phan Việt Đua	0834.174477	pvdua@blu.edu.vn	